TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kim Na Rinh

2. Ông Trương Văn Mên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Trung N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/9/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú T trình bày: Chị và anh Vũ Trung N quen biết, tìm hiểu được một thời gian, tự nguyện xác lập hôn nhân năm 2007, cùng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 12/9/2007. Vợ chồng sinh sống và làm việc tại huyện B, tỉnh Bình Dương, thời gian đầu sống hạnh phúc và có 02 người con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần bất đồng quan điểm cãi vã lẫn nhau anh N có đánh chị vài lần nhưng vì thương con nên cố gắng nhường nhịn để chung sống, đến năm 2018 vợ chồng về ấp G, xã H sinh sống, trong thời

gian gần hai năm nay thường xuyên mâu thuẫn, anh N ghen tuông vô cớ, nhiều lần xúc phạm chị và người thân của chị. Năm 2019 chị đi làm thì anh N đến cãi vã, cầm dao ném về phía chị nên bị Công an xã L làm việc và xử phạt hành chính, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh N uống rượu bia vào là cãi vã chửi mắng xúc phạm chị và người thân của chị, đe dọa tinh thần ép buộc chị phải sống với anh, chị luôn sống trong cảnh lo sợ bất an, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, không còn sống chung từ tháng 9/2020 đến nay, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N, về nuôi con chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con là Vũ Nguyễn Hoa T L sinh ngày 30/8/2008 và Vũ Nguyễn Hoa N Y sinh ngày 02/7/2010, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 05/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Trung N trình bày: Về hôn nhân, quá trình xác lập hôn nhân và đăng ký kết hôn chị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng anh thừa nhận lúc chung sống ở Bình Dương anh và chị T bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, lúc nóng giận anh đánh chị T vài lần. Năm 2018 vợ chồng và hai con về ấp G, xã H sinh sống, chị T đi làm ở địa phương, còn anh đi Bình Dương làm một hai tuần về thăm vợ con, vào khoảng năm 2019 trong lúc nóng giận do chị T đi làm mà gọi điện không nghe máy nên anh có đến chỗ chị T làm việc thuộc xã L, huyện C cãi vã và ném con dao về phía chị T thì bị Công an xã L xử phạt hành chính. Anh và chị T chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ nên yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, về nuôi con chung anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con là T L và N Y, về cấp dưỡng, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, anh không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Những tình tiết các bên đương sự thống nhất với nhau:

- Chị T và anh N xác lập hôn nhân năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Chị T và anh N chung sống có 02 người con tên Vũ Nguyễn Hoa T L sinh ngày 30/8/2008 và Vũ Nguyễn Hoa N Y sinh ngày 02/7/2010.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị T và anh N đều không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh N thừa nhận trong thời gian chung sống ở Bình Dương có xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau, anh N có đánh chị T vài lần, đến 2018 vợ chồng anh chị về ấp G, xã H sinh sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh N có chửi mắng xúc phạm chị T, có đến chỗ làm của chị T cầm dao ném về phía chị và bị Công an xã Long Sơn xử phạt hành chính, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đến tháng 9/2020 không còn sống chung.

Các bên đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn, về hôn nhân và về quyền nuôi con:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu xử cho chị được ly hôn với anh N, vì tình cảm vợ chồng không còn. Anh N thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên không đồng ý ly hôn, trường hợp chị T cương quyết ly hôn, không chung sống với anh thì yêu cầu Tòa án xử theo quy định pháp luật.

- Về quyền nuôi con: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung là Vũ Nguyễn Hoa T L sinh ngày 30/8/2008 và Vũ Nguyễn Hoa N Y sinh ngày 02/7/2010. Anh N yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của 02 người con chung là T L và N Y.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N, giao 02 người con chung là Vũ Nguyễn Hoa T L sinh ngày 30/8/2008 và Vũ Nguyễn Hoa N Y sinh ngày 02/7/2010 cho chị Tđược quyền nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, về án phí buộc chị Tphải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Vũ Trung N đăng ký tạm trú và cư trú tại Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Nguyễn Thị Tú T khởi kiện anh Vũ Trung N yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh N và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Vũ Trung N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định của pháp luật.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị Nguyễn Thị Tú T và anh Vũ Trung N xác lập hôn nhân năm 2007, anh chị cùng tự nguyện đi đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2007 tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh N đều cho rằng quá trình chung sống tại Bình Dương anh chị có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh N có đánh chị T vài lần. Năm 2018 chị T, anh N về sinh sống tại Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh được khoảng 01 năm thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về cách sống, cách giao tiếp, do ghen tuông và gọi điện thoại không nghe máy nên anh N đến chỗ chị T làm dùng lời lẽ không đúng mực cự cãi và ném con dao về phía chị T nên Công an xã L xử phạt hành chính, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, đến tháng 9/2020 thì không còn sống chung, từ đó chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh N. Anh N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, anh còn thương yêu chị T nên yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Quá trình chung sống giữa chị T và anh N mâu thuẫn với nhau về lối sống, ứng xử giao tiếp, anh chị không thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cả hai người đều bỏ mặt, không quan tâm đến đời sống vợ chồng, không còn chăm sóc lẫn nhau, anh chị đã ly thân nhau khoảng 04 tháng mà không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ được với nhau.

Tại phiên hòa giải ngày 11/11/2020, anh N xin đoàn tụ, đến nay đã hơn 02 tháng nhưng anh N và chị T cũng không trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T đã về nhà cha mẹ sống, cắt đứt liên lạc với anh N, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng và mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị T và anh N chung sống sinh 02 người con tên Vũ Nguyễn Hoa T L sinh ngày 30/8/2008 và Vũ Nguyễn Hoa N Y sinh ngày 02/7/2010 *(Cùng có nguyện vọng sống với chị T)*. Từ khi chị T và anh N không còn sống chung, 02 con chung của anh chị được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt, được cho ăn học phát triển về thể chất và tinh thần bình thường. Tại phiên tòa chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con là phù hợp với nguyện vọng của T L và N Y xin được sống với chị T, lời khai của anh N cũng đồng ý theo nguyện vọng của các con. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con cho chị T được quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị T và anh N không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Tú T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Tú T được ly hôn với anh Vũ Trung N.

- *Về nuôi con:* Chị Nguyễn Thị Tú T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung là Vũ Nguyễn Hoa T L sinh ngày 30/8/2008 và Vũ Nguyễn Hoa N Y sinh ngày 02/7/2010.

Anh Vũ Trung N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị Tú T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002619 ngày 04 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Đằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Na Rinh Trương Văn Mên Phạm Văn Đằng